

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/KDTM-PT**  
Ngày: 10-01-2025  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
Mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thanh Sỹ

*Các thẩm phán:* Ông Võ Văn Toàn

Ông Nguyễn Trung Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đồng Nai

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông  
Nguyễn Việt Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử  
phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 20/2024/TLPT-KDTM  
ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 54/2024/KDTM-ST ngày  
16/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2024/QĐ-PT ngày  
13/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 51/2024/QĐ-PT ngày  
31/12/2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty TNHH U.

Địa chỉ trụ sở: Đường số A, khu Công nghiệp S, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng  
Nai. Đại diện theo pháp luật: ông Tony D, sinh năm 1972, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Cao Minh T, sinh năm 1970. Địa chỉ:  
Số B, khóm S, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền lập ngày  
12 tháng 6 năm 2023)

**2. Bị đơn:** Hộ kinh doanh Cao Minh Q.

Địa chỉ trụ sở: D Hồ T, khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Minh Q, sinh năm 1969 (chủ hộ). Địa chỉ cư trú: D Hồ T, khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

**3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Ông Phan Mậu N, sinh năm 1982, Luật sư thuộc Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Số A N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Người kháng cáo:** Ông Cao Minh Q.

( Ông T, ông Q, Luật sư N-có mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH U do ông Cao Minh T đại diện trình bày, tranh luận:*

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 ông Cao Minh Q – Chủ trại Quang H (sau đây gọi tắt là Bên A) và Công ty TNHH U (sau đây gọi tắt là Bên B) do Tổng Giám đốc Tony D đại diện cùng ký Hợp đồng mua bán thức ăn gia súc hiệu USFEED với nội dung tóm tắt như sau: Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các loại thức ăn gia súc USFEED do Bên B sản xuất. Số lượng: Theo đơn đặt hàng của Bên A. Đơn giá: Bên B có quyền căn cứ theo tình hình giá cả nguyên liệu sản xuất và tình hình biến động thị trường mà điều chỉnh đơn giá bằng cách thông báo trước cho Bên A. Sản lượng Bên A tiêu thụ tối thiểu mỗi tháng sẽ do hai bên thương lượng và ký phụ kiện hợp đồng bổ sung, định kỳ 3 tháng Bên B sẽ kiểm tra sản lượng tiêu thụ của Bên A. Bên A phải đặt hàng cho Bên B trước ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước khi nhận hàng, đồng thời fax thông báo họ tên, số CMND của người đại diện đến nhận hàng trước khi nhận hàng, để thuận tiện cho việc giao nhận hàng Bên B sẽ xác nhận số lượng cụ thể giao hàng cho Bên A. Hình thức đặt hàng: Đặt hàng bằng điện thoại hoặc bằng fax. Bên A phải thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên B trước khi nhận hàng (phí chuyển khoản do Bên A chịu). Trong trường hợp chuyển khoản, Bên B chỉ xuất hàng sau khi xác định Bên A đã chuyển tiền vào tài khoản của Bên B. Bên B có quyền khấu trừ vào tiền chiết khấu hàng tháng của Bên A, nếu Bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Bên B. Nếu vì lý do nào đó mà hợp đồng không thể tiếp tục được thực hiện thì bên A phải thanh toán toàn bộ tiền nợ cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày giao hàng sau cùng. Nếu nợ quá hạn 07 ngày mà Bên A vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Bên A phải đồng ý áp dụng mức phạt với lãi suất là 0.05% ngày trên số nợ quá hạn.

Ngoài hợp đồng trên, hai bên còn ký thêm Phụ lục hợp đồng (cùng ngày 21/12/2021), theo đó về phương thức thanh toán Công ty TNHH U (Bên B) đồng ý cho ông Cao Minh Q (Bên A) tổng dư nợ tương đương tiền hàng tối đa 5.000.000.000 (Năm tỷ đồng). Bên A thanh toán cho Bên B trong thời hạn 15 ngày căn cứ vào ngày xuất của từng hóa đơn, hóa đơn nào đến hạn 15 ngày thì phải thanh toán, khi công nợ vượt định mức cho phép thì Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho

Bên B. Số tiền nợ quá hạn sẽ áp dụng mức phạt với lãi suất 0.05%/ngày trên số nợ quá hạn.

Căn cứ theo nội dung hợp đồng trên, bên B đã cung cấp cam cho bên A và đến ngày 28/02/2023 qua đối chiếu công nợ, Bên A còn nợ của Bên B số tiền là 5.924.972.131 đồng, trong đó tiền mua hàng còn nợ là 5.377.538.459 đồng và tiền lãi đối với số tiền còn nợ theo mức lãi suất 0.05%/ngày (theo khoản 4 Điều 6 của Hợp đồng mua bán ngày 21/12/2021) số tiền 595.636.020 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở, đốc thúc nhưng không có kết quả, ngày 23/6/2023 Công ty TNHH U khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, yêu cầu ông Cao Minh Q trả số tiền nợ mua hàng và tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tạm tính đến ngày 28/02/2023 là 5.973.174.479 đồng (Năm tỷ, chín trăm bảy mươi ba triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng).

Trước khi ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng vào ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh từ năm 2020, nội dung hợp đồng năm 2020 cũng có thỏa thuận về tiền lãi do chậm thanh toán như nội dung tại khoản 4 Điều 6 của Hợp đồng và Điều 2 phụ lục hợp đồng.

Riêng về việc thỏa thuận tại Điều 2 của Phụ lục hợp đồng, bị đơn cho rằng việc tính lãi chỉ áp dụng đối với số tiền nợ mua hàng vượt mức dư nợ 5.000.000.000 đồng là không đúng. Do nội dung thỏa thuận tại Điều 2 của Phụ lục hợp đồng chưa được rõ ràng nên dẫn đến việc bên bị đơn hiểu lầm, vì vậy nguyên đơn giải thích về Điều 2 của Phụ lục hợp đồng cụ thể như sau: Bên B (bên bán) cho phép bên A (bên mua) nợ tiền mua hàng với số tiền 5.000.000.000 đồng thay vì phải thanh toán trước như nội dung trong hợp đồng, tuy nhiên hóa đơn nào đến hạn 15 ngày thì phải thanh toán, nếu quá hạn 15 ngày sẽ phải chịu mức lãi là 0,05%/ngày/số nợ quá hạn. Để duy trì hoạt động kinh doanh, nguyên đơn cũng phải vay nợ ngân hàng và phải trả lãi đối với những khoản tiền này, do vậy việc bị đơn cho rằng nguyên đơn không tính lãi đối với số tiền hàng mà bị đơn còn nợ nếu chưa vượt quá 5.000.000.000 đồng là không hợp lý.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Công ty TNHH U vẫn tiếp tục bán hàng cho ông Cao Minh Q nhưng sản lượng hàng hóa không lớn và tiếp tục phát sinh các hóa đơn quá hạn thanh toán 15 ngày. Theo thống kê, đến ngày 13/8/2024, ông Cao Minh Q đã trả cho Công ty TNHH U tổng cộng 1.885.228.328 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm hai mươi tám đồng) thông qua hình thức chuyển khoản và một phần do được chiết khấu khi mua hàng, số tiền này được trừ trực tiếp vào số nợ gốc còn thiếu.

Đến nay, ông Cao Minh Q còn nợ Công ty TNHH U số tiền mua hàng là 3.371.225.381 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tính đến ngày 13/8/2024 là 1.867.319.185 đồng. Theo tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được thì ông Cao Minh Q có đăng ký kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh Cao Minh Q, do vậy nay nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu Tòa án buộc H1 kinh doanh Cao Minh Q (do ông Cao Minh Q làm chủ hộ) phải thanh toán tiền mua hàng còn nợ của Công ty TNHH U là 3.371.225.381 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 0.05%/ngày với số tiền 1.867.319.185 đồng (có bảng kê tính lãi kèm theo). Tổng cộng Công ty TNHH U yêu cầu Hộ kinh doanh Cao Minh Q phải thanh toán số tiền 5.238.544.556 đồng (Năm tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng).

*Tại bản tự khai ngày 11/8/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Hộ kinh doanh Cao Minh Q, do ông Cao Minh Q đại diện trình bày, tranh luận:*

Ông và Công ty TNHH U có ký hợp đồng hợp tác; quá trình hợp tác làm ăn, Công ty TNHH U có hỗ trợ kỹ thuật để ông nuôi heo nái tại thị trấn V, huyện V. Hợp tác làm ăn ổn định đến tháng 5/2022 thì 2 bên hợp tác thêm mảng chăn nuôi heo thịt tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Công ty đã hỗ trợ mỗi trại một kỹ thuật chăn nuôi. Đến cuối năm 2022, hai trại heo của ông đang hợp tác với Công ty TNHH U xảy ra dịch bệnh phải hủy và giảm đàn. Công ty có gặp ông và cho ông trả thêm mỗi xe hàng 30.000.000 đồng và ông tiếp tục mua hàng của Công ty TNHH U cho đến tháng 6/2024, tuy nhiên do chưa thể tăng đàn nên sản lượng cám không lớn. Nguyên nhân ông chưa thanh toán xong công nợ là do Công ty TNHH U không cử người tới làm việc trực tiếp với ông để bàn phương án xử lý, việc Công ty TNHH U không hỗ trợ lúc ông khó khăn mà còn yêu cầu tính lãi là không hợp tình, hợp lý.

Bị đơn xác nhận có ký hợp đồng mua bán với Công ty TNHH U vào ngày 21/12/2021 và phụ lục hợp đồng cùng ngày. Theo đó, Công ty TNHH U đã cung cấp cám cho ông để ông kinh doanh (chăn nuôi heo nái, heo thịt). Quá trình kinh doanh do dịch bệnh nên ông không thể thanh toán tiền mua cám theo như nội dung hợp đồng đã ký kết. Mặc dù hợp đồng do các bên ký kết không quy định rõ, tuy nhiên các bên ngầm hiểu Công ty TNHH U chỉ tính lãi do chậm thanh toán khi dư nợ vượt quá 5.000.000.000 đồng và có hóa đơn vượt quá thời hạn 15 ngày mà không thanh toán. Sau khi Công ty TNHH U khởi kiện tại Tòa án, ông đã thanh toán được tổng cộng 1.885.228.328 đồng, hiện còn nợ của Công ty TNHH U số tiền 3.371.225.381 đồng, nay ông chỉ đồng ý thanh toán tiền nợ gốc, đối với tiền lãi thì ông không đồng ý vì việc tính lãi của Công ty TNHH U chưa phù hợp với thỏa thuận giữa các bên tại phụ lục của hợp đồng; hợp đồng giữa các bên đang được thực hiện nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là không có căn cứ.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 54/2024/KDTM-ST ngày 16/8/2024; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 20/2024/QĐ-SCBSBA ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 207; Điều 235; Điều 264, 266, 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại năm 2005; các điều 357, 403, 404, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc H1 kinh doanh Cao Minh Q phải thanh toán cho Công ty TNHH U số tiền còn nợ là 5.238.544.556 đồng (Năm tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng), trong đó số tiền hàng còn nợ là 3.371.225.381 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tính đến ngày 13/8/2024 là 1.867.319.185 đồng.

*Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.*

+ Ngày 28/8/2024, bị đơn Hộ kinh doanh Cao Minh Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng: Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Chưa xem xét chứng cứ một cách toàn diện, đánh giá chứng cứ không khách quan, hiểu sai về nội dung hợp đồng mua bán. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định cụ thể là kháng cáo về phần tiền lãi. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tiền lãi.

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu tranh luận:*

Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc, bị đơn hoàn toàn đồng ý trả, vì đây là số tiền mà bị đơn đã mua cám của nguyên đơn để chăn nuôi heo và số tiền này đã được các bên xác nhận tại phiên tòa sơ thẩm.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán, bị đơn không đồng ý vì: Theo Hợp đồng mua bán và phụ lục hợp đồng các bên đã thỏa thuận ký kết thể hiện: Khi công nợ vượt định mức cho phép (5.000.000.000 đồng) và có Hóa đơn đến hạn 15 ngày khi công nợ vượt 5.000.000.000 đồng thì bị đơn sẽ phải chịu phạt với mức lãi suất 0,05%/ngày. Trong khi đó, công nợ của bị đơn tức là số tiền của các đơn hàng không vượt mức 5.000.000.000 đồng, nên không bị xem là nợ quá hạn. Sau khi nguyên đơn khởi kiện, các bên vẫn tiếp tục mua bán hàng hóa, bị đơn vẫn thanh toán tiền hàng và được nguyên đơn thực hiện chính sách chiết khấu. Thời hạn kết thúc của hợp đồng là ngày 31/12/2022, nhưng sau khi hết thời hạn này các bên vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng và nguyên đơn không có bất kỳ thông báo nào yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc. Vì vậy, bị đơn không vi phạm điều khoản thanh toán, không chậm thanh toán nên không phải trả tiền lãi phát sinh. Bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, hiểu sai về nội dung hợp đồng mua bán, nên đã tuyên buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn là không phù hợp với thỏa thuận mà các bên đã ký kết.

Qua đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tiền lãi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết: Ngày 21 tháng 12 năm 2021, nguyên đơn Công ty TNHH U và bị đơn ông Cao Minh Q – Trại heo Quang H ký Hợp đồng mua bán số 003-TRHEO.2022.HĐGSGC.USF.ĐN và Phụ lục hợp đồng số 003-TRHEO.2022.PL.HĐGSGC.USF.ĐN. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn còn nợ tiền hàng nên phải chịu lãi suất chậm thanh toán. Cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 28/8/2024 H1 kinh doanh Cao Minh Q làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, đương sự trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung:

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, nguyên đơn Công ty TNHH U và bị đơn ông Cao Minh Q – Trại heo Quang H ký Hợp đồng mua bán số 003-TRHEO.2022.HĐGSGC.USF.ĐN và Phụ lục hợp đồng số 003-TRHEO.2022.PL.HĐGSGC.USF.ĐN. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã nợ tiền hàng, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Hộ kinh doanh Cao Minh Q (do ông Cao Minh Q làm chủ hộ) phải thanh toán tiền mua hàng còn nợ là 3.371.225.381 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 0.05%/ngày, với số tiền lãi là 1.867.319.185 đồng. Tổng cộng 5.238.544.556 đồng. Về phần lãi kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi theo hợp đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Hộ kinh doanh Cao Minh Q (do ông Cao Minh Q làm chủ hộ) xác nhận nội dung ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng như nguyên đơn

trình bày, bị đơn cho rằng: Sau khi Công ty TNHH U khởi kiện tại Tòa án, bị đơn đã thanh toán được tổng cộng 1.885.228.328 đồng, hiện còn nợ của Công ty TNHH U số tiền 3.371.225.381 đồng. Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán tiền nợ gốc, đối với tiền lãi thì bị đơn không đồng ý, vì Công ty TNHH U chỉ được tính lãi phạt chậm thanh toán, khi dư nợ vượt mức 5.000.000.000 đồng và có hóa đơn vượt quá thời hạn 15 ngày mà không thanh toán theo khoản 2 Điều 2 của Phụ lục hợp đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ **Về số tiền nợ:** Mặc dù trong quá trình mua bán, cũng như khởi kiện tại tòa án, các bên chưa thống nhất được số nợ, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đã thống nhất được số tiền nợ gốc là 3.371.225.381 đồng và bị đơn đồng ý thanh toán nên ghi nhận.

+ **Về tiền lãi phạt theo hợp đồng và Phụ lục hợp đồng:**

Tại Điều 6 của Hợp đồng mua bán số 003-TRHEO.2022.HĐGSGC.USF.ĐN ngày 21/12/2021 có quy định về Phương thức thanh toán:

1. Bên A phải thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên B trước khi nhận hàng (phí chuyển khoản do Bên A chịu). Trong trường hợp chuyển khoản, Bên B chỉ xuất hàng sau khi xác định Bên A đã chuyển tiền vào tài khoản của Bên B.

2. Bên B có quyền khấu trừ vào tiền chiết khấu hàng tháng của Bên A, nếu Bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Bên B.

3. Nếu vì lý do nào đó mà hợp đồng không thể tiếp tục được thực hiện thì bên A phải thanh toán toàn bộ tiền nợ cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày giao hàng sau cùng.

4. Nếu nợ quá hạn 07 ngày mà Bên A vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Bên A phải đồng ý áp dụng mức phạt với lãi suất là 0.05% ngày trên số nợ quá hạn.

Tại khoản 2 Điều 2 Phụ lục hợp đồng số 003-TRHEO.2022.HĐGSGC.USF.ĐN quy định:

"2. Công nợ và thanh toán:

Bên B cho Bên A tổng dư nợ tương đương số tiền hàng tối đa 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng)

Thời hạn: Bên A thanh toán cho Bên B trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) căn cứ vào ngày xuất của từng hóa đơn, hóa đơn nào đến hạn 15 ngày thì phải thanh toán khi công nợ vượt định mức cho phép thì Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên B. Số tiền nợ quá hạn sẽ áp dụng theo điều 6 mục 4 của hợp đồng".

Như vậy, về phương thức thanh toán giữa Hợp đồng mua bán và Phụ lục hợp đồng các bên đã có thỏa thuận thay đổi về số dư nợ, thời hạn thanh toán và thời hạn phạt lãi. Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng thì việc

tính phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 0,05%/ ngày, khi công nợ vượt định mức cho phép (5.000.000.000 đồng) và có hóa đơn đến hạn 15 ngày mà chưa thanh toán.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán, theo mức lãi suất 0.05%/ngày, với số tiền phạt 1.867.319.185 đồng, nhưng không chứng minh được công nợ của bị đơn vượt định mức cho phép 5.000.000.000 đồng là trái với nội dung thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong Hợp đồng mua bán và Phụ lục hợp đồng, có như vậy mới thể hiện được ý nghĩa của việc Bên bán cho Bên mua tổng dư nợ tương đương tiền hàng tối đa 5.000.000.000 đồng.

Cấp sơ thẩm cho rằng việc các bên có thỏa thuận, nhưng có cách hiểu khác nhau, nên áp dụng Điều 404 Bộ luật dân sự và Điều 306 Luật thương mại để buộc bị đơn phải chịu khoản tiền phạt lãi là không phù hợp.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn về phần phạt lãi chậm thanh toán là có cơ sở, nên được chấp nhận. Cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cần phải tính lại như sau:

+ Bị đơn phải chịu là 72. 027.424. 000 đồng (đã làm tròn) {= 72.000.000 đồng + (1.371.225.381 đồng x 2%)}

+ Nguyên đơn phải chịu 68.019.500 đồng (đã làm tròn) {= 36.000.000 đồng + (1.067.319.185 đồng x 3%)}, nhưng được khấu trừ vào 56.986.587 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận, nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bị đơn đã nộp.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử.

+ Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của H1 kinh doanh Cao Minh Q; Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 54/2024/KDTM-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh



Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 207; Điều 235; Điều 264, 266, 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 50 Luật Thương mại năm 2005; các điều 357, 403, 404, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc Hộ kinh doanh Cao Minh Q phải thanh toán cho Công ty TNHH U số tiền hàng còn nợ là 3.371.225.381 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc, buộc H1 kinh doanh Cao Minh Q phải thanh toán tiền phạt lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với số tiền là 1.867.319.185 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí sơ thẩm:

+ Hộ kinh doanh Cao Minh Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 72.027.424.000 đồng.

+ Công ty TNHH U phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 68.019.500 đồng, nhưng được khấu trừ vào 56.986.587 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Công ty TNHH U đã nộp tại biên lai thu số 0006979 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Công ty TNHH U tiếp tục phải nộp số tiền án phí còn lại là 11.032.913 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm: Hộ kinh doanh Cao Minh Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nên được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số 0005615 ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Long Khánh;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS thành phố Long Khánh;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thanh Sỹ**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Trung Hưng**

**Võ Văn Toàn**

**Ngô Thanh Sỹ**

